TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ***/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà ***Phương T***

Thư ký phiên họp: Bà ***Chử Thị BL***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Ông ***Nguyễn Mạnh T***- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số ***/2023/TLST-HNGĐ ngày **.9.2023, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 455/2023/QĐPH-ST ngày 12.9.2023, giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trình Đăng X;** Sinh năm: 1991; Căn cước công dân số: 380910***** do cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày: 14.9.2021; Nơi thường trú: thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi làm việc hiện tại: Số *** đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Bà **Phạm Thị T;** Sinh năm: 1992; Căn cước công dân số: 0311920*****; Do cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày: 17.01.2019; Nơi thường trú: thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện tại: Nabari shi, Kuramochichou, Harade ****-1, LTS Group Nabari Housing, Room ***- Nhật Bản.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Ông Trình Đăng X và bà Phạm Thị T đăng ký kết hôn ngày 26.9.2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Phạm Thị T đi Nhật Bản và sinh sống tại Nabari shi, Kuramochichou, Harade ****-1, LTS Group Nabari Housing, Room ***, hai bên xa cách về mặt địa lý và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên xác cùng xác định tình cảm không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Trình Đăng X và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Trình Phạm N, sinh ngày 12.7.2015 và Trình Phạm A, sinh ngày 09.12.2017. Hiện nay con chung đang ở cùng ông Trình Đăng X. Hai bên thống nhất giao con chung cho ông Trình Đăng X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận bà Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho cả 02 con cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết ly hôn: Ông Trình Đăng X tự nguyện chịu toàn bộ.

Do khoảng cách địa lý, điều kiện công việc, bà Phạm Thị T không thể về Việt Nam, có đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Trình Đăng X nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Đơn của bà Phạm Thị T có xác nhận chữ ký của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka- Nhật Bản.

Tại phiên họp, bà Phạm Thị T vắng mặt và ủy quyền cho ông Trình Đăng X nhận văn bản tố tụng. Ông Trình Đăng X có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

* Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

* Về nội dung: Ông Trình Đăng X và bà Phạm Thị T kết hôn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khoảng cách về mặt địa lý và sự khác biệt về lối sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay vợ chồng đều xác

định mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện nên ghi nhận.

Về con chung: Ông Trình Đăng X và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Trình Phạm N, sinh ngày 12.7.2015 và Trình Phạm A, sinh ngày 09.12.2017. Hiện nay con chung đang ở cùng ông Trình Đăng X. Hai bên thống nhất giao con chung cho ông Trình Đăng X trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên thỏa thuận bà Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí: Ông Trình Đăng X, bà Phạm Thị T phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 29, Điều 35, Điều 370, Điều 371 Bộ Luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trình Đăng X và bà Phạm Thị T.

2. Về con chung: Ông Trình Đăng X và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Trình Phạm N, sinh ngày 12.7.2015 và Trình Phạm A, sinh ngày 09.12.2017.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cả hai con chung cho ông Trình Đăng X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Bà Phạm Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Dành quyền khởi kiện cho các đương sự về chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án dân sự khác (nếu có).

5. Về lệ phí: Ông Trình Đăng X, bà Phạm Thị T chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 000**** ngày **/*/2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Hai bên đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

6. Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 25/9/2023.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Hà Nội;*
- *Cục THADS TP. TP. Hà Nội;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Người yêu cầu;*
- *Lưu.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phương T